|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /2017/NĐ-CP  **DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Chính sách đặc thù**

**về giống, vốn và công nghệ trong phát triển**

**nuôi trồng, khai thác dược liệu**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Dược ngày 16 tháng 4 năm 2016;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ tronphát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về ưu tiên công nhận giống dược liệu và một số chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu có nguồn gốc thực vật, động vật.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nuôi trồng, khai thác dược liệu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chính sách và thủ tục hỗ trợ đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giống dược liệu là toàn bộ hoặc một bộ phận của thực vật, động vật được sử dụng làm giống để sản xuất dược liệu.

2. Giống gốc dược liệu là cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng, cây trội đối với cây dược liệu lâu năm, hạt giống, củ giống được phục tráng, thuần hóa từ tự nhiên hoặc từ sản xuất đối với cây hàng năm.

3. Giống thương phẩm dược liệu là giống được sử dụng để nuôi trồng tạo ra sản phẩm là dược liệu và không sử dụng khai thác làm vật liệu nhân giống.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng chính sách**

1. Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư nuôi trồng, khai thác dược liệu đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; đối tượng được hưởng chính sách đặc thù phải sử dụng vốn đúng mục đích.

2. Tại thời điểm các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư đủ điều kiện được hưởng chính sách với các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cao nhất.

3. Bố trí nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của chính sách và khả năng cân đối của Ngân sách Nhà nước.

4. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị định này và Nghị định khác về trình tự, thủ tục đầu tư và nhận hỗ trợ thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

**CHƯƠNG II**

**CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ**

**Điều 4. Ưu tiên công nhận giống dược liệu**

Trong vòng 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các giống thuộc các loài dược liệu có tiềm năng khai thác trong tự nhiên; tập trung phát triển ở quy mô lớn có tên trong danh mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này được xem xét bổ sung vào Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam (viết chung là danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam) không phải qua khảo nghiệm và thủ tục công nhận giống mới.

**Điều 5. Hỗ trợ nghiên cứu chọn tạo giống dược liệu**

Các tổ chức cá nhân đầu tư nghiên cứu chọn tạo hoặc nhập nội giống dược liệu mới không sử dụng ngân sách nhà nước được hỗ trợ một lần là 1,5 tỷ đồng/01 giống mới khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống dược liệu mới và được đưa vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam (trình tự, thủ tục công nhận giống dược liệu mới được áp dụng như các cây trồng chính).

**Điều 6. Hỗ trợ nhân giống dược liệu**

1. Hỗ trợ 01 lần 50% tổng mức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các cơ sở nhân giống tập trung có quy mô từ 02 ha trở lên, tối đa không quá 02 tỷ đồng cho 01 cơ sở. Đối với cơ sở ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng cho 01 cơ sở.

2. Hỗ trợ 01 lần tối đa 60% chi phí nhân giống gốc, 30% chi phí nhân giống thương phẩm theo định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp ứng dụng công nghệ cao mức hỗ trợ tương ứng là 80% và 50%;

3. Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật cho người nhân giống theo định mức khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Điều 7. Hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất và khai thác an toàn**

1. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng mô hình nuôi trồng và khai thác dược liệu an toàn theo nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt trồng và thu hái cây thuốc (GACP);

2. Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận GACP;

3. Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật cho người nuôi trồng và khai thác theo định mức khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Điều 8. Hỗ trợ nuôi trồng dược liệu tập trung**

Hỗ trợ một lần tối đa 15 triệu đồng/01 ha đối với dự án nuôi trồng dược liệu có quy mô từ 05 ha trở lên.

**CHƯƠNG III**

**NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ**

**Điều 9. Nguồn vốn**

1. Nguồn Ngân sách Nhà nước hỗ trợ bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

2. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

3. Nguồn tự có, nguồn đối ứng của các tổ chức, cá nhân và nguồn khác theo quy định của Pháp luật.

**Điều 10. Cơ chế hỗ trợ**

1. Ngân sách Nhà nước

a) Ngân sách trung ương

Ngân sách trung ương hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này đối với các dự án do cơ quan Trung ương thực hiện; dự án thực hiện ở địa bàn kinh tế khó khăn; hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương đối với những địa phương chưa cân đối được ngân sách;

Kinh phí hỗ trợ quy định tại Điều 5 của Nghị định này được chi trực tiếp từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của các Bộ, cơ quan Trung ương. Bộ chủ quản hỗ trợ cho các tổ chức khoa học công nghệ trực thuộc, Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khác.

b) Ngân sách địa phương hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này đối với các dự án do tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện, trừ các địa phương được hỗ trợ tại điểm a, khoản 1 Điều này.

2. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước: Ngoài việc được hưởng chính sách đặc thù quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này, tổ chức, cá nhân có các dự án đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định này được vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

**Điều 11. Điều kiện được hỗ trợ đầu tư**

1. Các dự án được hưởng chính sách đặc thù quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Nghị định này phải thuộc danh mục dự án trong quy hoạch, kế hoạch phát triển đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận nếu chưa có quy hoạch, kế hoạch được duyệt; giống dược liệu phải nằm trong Danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

2. Chủ đầu tư phải có cam kết đầu tư vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án được duyệt (ngoài phần hỗ trợ của Ngân sách Nhà nước). Trường hợp vay vốn ngân hàng để góp vốn thực hiện dự án phải có hợp đồng vay vốn hoặc văn bản chứng minh.

**Điều 12. Trình tự, thủ tục**

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam:

a) Hồ sơ

Văn bản đề nghị;

Tờ khai kỹ thuật mô tả nguồn gốc, xuất xứ, đặc điểm của giống, lịch sử khai thác, nuôi trồng, địa bàn và quy mô nuôi trồng, quy trình sản xuất (theo Mẫu 01, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Trình tự, thủ tục

Bộ Y tế hoặc đơn vị được phân công gửi công văn đề nghị bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công đơn vị trực thuộc tiếp nhận hồ sơ. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, đơn vị tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng quyết định bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho đơn vị gửi hồ sơ biết để hoàn chỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định này thực hiện hỗ trợ đầu tư theo tiến độ của dự án; trình tự, thủ tục đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này thực hiện hỗ trợ sau đầu tư. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cụ thể:

a) Hồ sơ

Giấy đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân (theo Mẫu 02, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này);

Quyết định công nhận giống dược liệu mới được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b) Trình tự, thủ tục

Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ gửi 03 bộ hồ sơ đến Bộ được phân công theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 10 của Nghị định này.

Trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, các Bộ tổ chức thẩm định và ban hành quyết định hỗ trợ nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện thì gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ biết để hoàn chỉnh.

Sau khi có quyết định hỗ trợ, tổ chức, cá nhân gửi giấy đề nghị giải ngân hỗ trợ (theo Mẫu 09, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này), Quyết định hỗ trợ vốn của cơ quan có thẩm quyền gửi Kho bạc Nhà nước để được giải ngân khoản hỗ trợ.

4. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này thực hiện hỗ trợ sau đầu tư. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cụ thể:

a) Hồ sơ

Giấy đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp (theo Mẫu 03, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này);

Dự án đầu tư.

b) Trình tự, thủ tục

Trước khi thực hiện dự án tổ chức, cá nhân gửi 03 bộ hồ sơ tới Sở Kế hoạch và Đầu tư của địa phương nơi đăng ký sản xuất.

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thẩm tra (theo Mẫu 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thẩm tra và cam kết hỗ trợ vốn cho tổ chức, cá nhân (theo Mẫu 05, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) nếu đáp ứng đủ điều kiện.

Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương, hồ sơ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung thêm văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “Văn bản đồng ý thực hiện dự án và đề nghị Trung ương hỗ trợ” (theo Mẫu 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

Trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của Bộ Tài Chính, căn cứ vào khả năng cân đối vốn, xem xét để có văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho tổ chức, cá nhân (theo Mẫu 07, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức cá nhân.

Sau khi dự án hoàn thành tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nghiệm thu kết quả dự án;

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu dự án;

Biên bản nghiệm thu (theo Mẫu 08, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): Khối lượng được nghiệm thu của hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân vốn hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Ngoài ra các cơ quan nhà nước không được yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung các giấy tờ khác)

Thủ tục nhận hỗ trợ

Sau khi có biên bản nghiệm thu, tổ chức, cá nhân gửi giấy đề nghị giải ngân hỗ trợ (theo Mẫu 09, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này), Biên bản nghiệm thu, Quyết định hỗ trợ vốn của cơ quan có thẩm quyền gửi Kho bạc Nhà nước để được giải ngân khoản hỗ trợ.

**CHƯƠNG IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 13. Trách nhiệm của Bộ, ngành Trung ương**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phân công đơn vị tiếp nhận và thẩm định hồ sơ các giống dược liệu; Quyết định bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;

b) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

c) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chủ trì tổng hợp báo cáo Chính phủ định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu về tình hình thực hiện Nghị định.

2. Bộ Y tế

a) Phân công các đơn vị lập hồ sơ bổ sung giống dược liệu vào danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam

b) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương do Bộ Y tế quản lý;

d) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Y tế, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Ưu tiên bổ sung các nhiệm vụ khoa học công nghệ về giống, nuôi trồng và khai thác dược liệu;

b) Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm phát triển dược liệu.

c) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý;

d) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bộ Giáo dục và đào tạo

a) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương do Bộ Giáo dục, đào tạo quản lý;

b) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

Bố trí vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp theo chức năng được giao phù hợp với phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế quản lý nhập nội nguồn gen dược liệu theo đúng quy định;

b) Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương do Bộ Tài nguyên Môi trường quản lý;

c) Tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài nguyên Môi trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Các Bộ, cơ quan Trung ương khác có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế trong quá trình thực hiện Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**Điều 14. Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt quy hoạch vùng sản xuất giống, vùng nuôi trồng dược liệu tập trung.

2. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

3. Phê duyệt các nhiệm vụ khoa học, dự án đầu tư từ ngân sách địa phương.

4. Hàng năm đánh giá tình hình thực hiện Nghị định tại địa phương, báo cáo gửi Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 25/12 để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

**Điều 15.** **Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Kiểm toán Nhà nước; - Ngân hàng Chính sách Xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, NN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC CÁC LOÀI DƯỢC LIỆU CÓ TIỀM NĂNG KHAI THÁC TRONG TỰ NHIÊN; TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN Ở QUY MÔ LỚN**

*(Kèm theo Nghị định số……/2017/NĐ-CP, ngày ….tháng….năm 2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu)*

chủ lực có tiềm năng khai thác trong tự nhiên và tập trung phát triển ở quy mô lớn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Việt Nam** | **Tên khoa học** |
| 1 | Bình vôi | *Stephania glabra* (Roxb.) Miers |
| 2 | Ba kích | *Morinda officinalis* How |
| 3 | Bụp giấm | *Hibiscus sabdariffa* L. |
| 4 | Củ mài | *Dioscorea persimilis* Prain et Burkill |
| 5 | Cúc hoa | *Chrysanthemum indicum* L. |
| 6 | Đảng sâm | *Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thoms. |
| 7 | Đậu ván trắng | *Lablab purpureus* (L.) Sweet |
| 8 | Địa liền | *Kaempferia galanga* L. |
| 9 | Diệp hạ châu đắng | *Phyllanthus amarus* Schum. et Thonn. |
| 10 | Đinh lăng | *Polyscias fruticosa* (L.) Harms. |
| 11 | Dừa cạn | *Catharanthus roseus* (L.) G. Don |
| 12 | Gấc | *Momordica cochinchinensis* (Lour.) Spreng. |
| 13 | Giảo cổ lam | *Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino |
| 14 | Gừng | *Zingiber officinale* Rosc. |
| 15 | Hà thủ ô đỏ | *Fallopia multiflora* (Thunb.) Haraldson |
| 16 | Hoàn ngọc | *Pseuderanthemum palatiferum* (Nees) Radlk. |
| 17 | Hòe | *Styphnolobium japonicum* (L.) Schott |
| 18 | Hồi | *Illicium verum* Hook. F. |
| 19 | Hương nhu trắng | *Ocimum gratissimum* L. |
| 20 | Ích mẫu | *Leonurus japonicus* Houtt. |
| 21 | Kim tiền thảo | *Desmodium styracifolium* (Osb.) Merr. |
| 22 | Mã đề | *Plantago major* L. |
| 23 | Nghệ vàng | *Curcuma longa* L. |
| 24 | Nhàu | *Morinda citrifolia* L. |
| 25 | Quế | *Cinnamomum cassia* Presl |
| 26 | Rau đắng biển | *Bacopa monnieri* (L.) Wettst. |
| 27 | Râu Mèo | *Orthosiphon spiralis* (Lour.) Merr. |
| 28 | Sả | *Cymbopogon spp*.(C. citrates (DC. Ex Ness) Stapf); C. nardus (L.) Rendle; C. martinii (Roxb) Wats) |
| 29 | Sa nhân tím | *Amomum longiligulare* T. L.Wu |
| 30 | Sâm Ngọc linh | *Panax vietnamensis* Ha et Grushv. |
| 31 | Thanh hao hoa vàng | *Artemisia annua* L. |
| 32 | Tràm | *Melaleuca leucadendra* L. |
| 33 | Trinh nữ hoàng cung | *Crinum latifolium* L. |
| 34 | Tục đoạn | *Dipsacus japonicus* Miq. |
| 35 | Xuyên tâm liên | *Andrographis paniculata* (Burm. f.) Wall. ex Nees. |
| 36 | Ý dĩ | *Coix lacryma - jobi* L. |
| 37 | Actisô | *Cynara scolymns* L. |
| 38 | Bạc hà | *Mentha arvensis* L. |
| 39 | Bạch chỉ | *Angelica dahurica* (Fisch. ex Hoffm.) Maxim. |
| 40 | Bạch truật | *Atractylodes macrocephala* Koidz. |
| 41 | Cát cánh | *Platycodon grandiflorum* (Jacq.) A. DC. |
| 42 | Địa hoàng | *Rehmanmia glutinosa* (Gaertn.) Libosch. ex Steud |
| 43 | Đỗ trọng | *Eucommia ulmoides* Oliv. |
| 44 | Độc hoạt | *Angelica pubescens* Maxim. |
| 45 | Dương cam cúc | *Matricaria chamomilla* L. |
| 46 | Đương quy | *Angelica acutiloba* (Sieb. et Zucc) Kitagawa Angelica sinensis (Oliv.) Diels. |
| 47 | Hoàng bá | *Phellodendron spp.* (Phellodendron amurense Rupr.; P. chinensis Schneid.) |
| 48 | Huyền sâm | *Scrophularia spp.* (Scrophularia ningpoensis Hemsl.; C. buergeriana Miq.) |
| 49 | Mộc hương | *Aucklandia lappa* DC. |
| 59 | Ngưu tất | *Achyranthes bidentata* Blume |
| 51 | Ô đầu | *Aconitum spp.* (Aconitum fortunei Hemsl.; A. carmichaeli Debx.) |
| 52 | Tam thất | *Panax notoginseng* (Burkill) F. H Chen |
| 53 | Trạch tả | *Alisma plantago - aquatica* L. |
| 54 | Xuyên khung | *Ligusticum wallichii* Franch. |
| 55 | Bách bộ | *Stemona tuberosa* Lour. |
| 56 | Bồ bồ | *Adenosma indianum* (Lour.) Merr. |
| 57 | Câu đằng | *Uncaria spp.*(U. Tonkinensis Havil.; U. sinensis (Oliv.) Havil.; U. cordata (Lour.) Merr.) |
| 58 | Cẩu tích | *Cibotium barometz* (L.) J. Sm |
| 59 | Chân chim | *Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin |
| 60 | Chè dây | *Ampelopsis cantoniensis* (Hook. & Arn.) Planch. |
| 61 | Chè vằng | *Jasminum ssp.*(Jasminum nervosum Lour.; J. subtriplinerve Blume) |
| 62 | Cốt toái bổ | *Drynaria spp.*(D. quercifolia (L.)J. Sm.; D. bonii H. Christ.) |
| 63 | Củ chóc | *Typhonium trilobatum* (L.) Schott |
| 64 | Dành dành | *Gardenia augusta* (L.) Merr. |
| 65 | Dây đau xương | *Tinospora sinensis* (Lour.) Merr. |
| 66 | Hạ khô thảo | *Prunella vulgaris* L. |
| 67 | Hà thủ ô trắng | *Streptocaulon juventas* (Lour.) Merr. |
| 68 | Hương phụ | *Cyperus spp.*(Cyperus stoloniferus Retz.; C. rotundus L.) |
| 69 | Huyết giác | *Dracaena cambodiana* Pierre ex Gagnep. |
| 70 | Hy thiêm | *Siegesbeckia orientalis* L. |
| 71 | Mã tiền | *Strychnos ssp.*(Strychnos nux-vomica L.; S. wallichiana Steud.) |
| 72 | Mạn kinh | *Vitex ssp.* (Vitex rotundifolia L. f.; V. trifolia L.) |
| 73 | Ngải cứu dại | *Artemisia indica* Willd. |
| 74 | Nhân trần | *Adenosma spp.* (Adenosma caeruleum R. Br.; Adenosma bracteosum Bonati) |
| 75 | Sa nhân | *Amomum spp.*(Amomum vilosum Lour./ L. longiligulare T. L. Wu/ A. xanthioides Wall. |
| 76 | Thiên niên kiện | *Homalomena spp.* (H. occulta (Lour.) Schott; H. tonkinensis Engl.) |
| 77 | Tràm | *Melaleuca leucadendra* L. |
| 78 | Thổ phục linh | *Smilax glabra* Wall. et Roxb. |

**PHỤ LỤC II. DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU**

*(Kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu* )

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu 01 | Tờ khai kỹ thuật về giống dược liệu đề nghị bổ sung vào Danh mục giống cây trồng, vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam |
| Mẫu 02 | Giấy đề nghị hỗ trợ sau đầu tư cho nghiên cứu chọn tạo giống dược liệu mới theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ |
| Mẫu 03 | Giấy đề nghị hỗ trợ sau đầu tư đối với Dự án trồng dược liệu theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ |
| Mẫu 04 | Văn bản báo cáo kết quả thẩm tra hỗ trợ đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| Mẫu 05 | Văn bản thẩm tra và cam kết vốn hỗ trợ (đối với ngân sách địa phương) |
| Mẫu 06 | Văn bản đề nghị thực hiện dự án trồng dược liệu sử dụng ngân sách trung ương của UBND cấp tỉnh |
| Mẫu 07 | Văn bản cam kết hỗ trợ vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| Mẫu 08 | Biên bản nghiệm thu |
| Mẫu 09 | Văn bản đề nghị giải ngân hỗ trợ |

**Mẫu 01**

**TỜ KHAI KỸ THUẬT VỀ GIỐNG DƯỢC LIỆU ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG VÀO DANH MỤC GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH TẠI VIỆT NAM**

1. Tên giống:…………………………….. thuộc loài…………………………..;

2. Nguồn gốc, xuất xứ, phương pháp chọn tạo……………………………………;

3. Mô tả rõ về đặc điểm của giống (mô tả theo các đặc điểm hình thái đối với các loài thực vật, động vật kèm theo hình ảnh, bản vẽ mô tả, minh họa);

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của giống: thời gian sinh trưởng, giá trị sử dụng….;

5. Lịch sử nuôi trồng, khai thác (nêu rõ thời gian bắt xuất hiện hoặc bắt đầu nuôi trồng, địa điểm nuôi trồng hoặc khai thác, quy mô diện tích, sản lượng);

6. Quy trình kỹ thuật nuôi trồng, khai thác;

7. Các thông tin khác liên quan về giống (nếu có).

Ngày …. tháng … năm ……

Đơn vị lập tờ khai

*(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………. | *………., ngày … tháng … năm…* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ CHO NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO GIỐNG DƯỢC LIỆU MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ**  [**/2017/NĐ-CP**](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=210/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)**NGÀY THÁNG NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ**

Kính gửi: ……………………………………………………

Tổ chức, cá nhân đề nghị:…………………………………………...………………….;

Loại hình tổ chức: ………………………. ………………………………............…….;

Ngành nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp): ……………………………...………;

Địa chỉ : ………………………………………………………………………….……..;

Điện thoại: …………………………………….. Fax ………………….………………;

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/ Chứng minh nhân dân số ………………do ….… cấp ngày ….. tháng ………….. năm ………..;

Sản phẩm giống đề nghị hỗ trợ: ………………………………….…………………..;

Quyết định công nhận giống cây trồng mới: ……………………………………..……;

Kiến nghị mức hỗ trợ: ………………………………………………………………….;

**Tổ chức, cá nhân cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | *……., ngày ... tháng ….. năm ….*  **Chức danh người đại diện tổ chức, các nhân (ký tên - đóng dấu)** |

Hồ sơ kèm theo:….

**Mẫu 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………. | *………., ngày … tháng … năm…* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN TRỒNG DƯỢC LIỆU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ** [**/2017/NĐ-CP**](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=210/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)**NGÀY THÁNG NĂM CỦA CHÍNH PHỦ**

Kính gửi: …………………………………………

Tổ chức, cá nhân:  ……………………………………………………………….;

Loại hình doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp): ……………………….………..;

Ngành nghề kinh doanh: …………………………………………………...……..;

Trụ sở chính: ……………………………………………………………………...;

Điện thoại: …………………………………….. Fax ……………………………;

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số ………………do ….……………………….… cấp ngày ….. tháng ………….. năm ………..

**I. Đăng ký hỗ trợ sau đầu tư để thực hiện dự án với nội dung sau:**

1. Tên Dự án: ……………………………………………………………….……;

2. Lĩnh vực đầu tư: ………………………………………………………….……;

3. Địa điểm thực hiện Dự án: …………………………………………………….;

4. Mục tiêu và quy mô của dự án: ………………………………………………..;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: …………………………………………………...;

6. Diện tích đất dự kiến trồng dược liệu:…………………………………….…...;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: …………………………….;

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến: ………………………………………….…..;

9. Dự kiến thu hoạch trong ………. tháng, nguyên liệu dự trữ để chế biến …………… (tháng) tổng số nguyên liệu đảm bảo ………………. tháng/năm.

**II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị định số** [**/2017/NĐ-CP**](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=210/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)**ngày tháng năm của Chính phủ):**

Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số tiền** | **Thời gian hỗ trợ (năm)** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |

**III. Tổ chức, cá nhân cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | *……., ngày ... tháng ….. năm …..* **Chức danh người đại diện tổ chức, các nhân (ký tên - đóng dấu)** |

Hồ sơ kèm theo:….

**Mẫu 04**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN…**  **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:……………… | *………….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

Kính gửi: Ủy ban nhân dân …………………………….

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số ... ngày ... tháng ….. năm …… của tổ chức, cá nhân (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với tổ chức, cá nhân đầu tư vào Dự án….(Tên dự án) theo quy định tại Nghị định …./2017/NĐ-CP như sau:

**I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM TRA**

1. Bản đề nghị số… .

2. Báo cáo dự án đầu tư …...

3. Biên bản kiểm tra thực tế (đối với dự án thực hiện trước thời điểm đề nghị ưu đãi, hỗ trợ):

4. Ý kiến của các cơ quan liên quan

5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**II. THÔNG TIN DỰ ÁN**

1. Tên dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Mục tiêu và quy mô dự án: (mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng…)

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: (nếu có theo quy định của Luật Đầu tư)

5. Cấp quyết định đầu tư dự án: (Tên tổ chức, cá nhân)

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:

9. Thời gian thực hiện:

10. Các thông tin khác (nếu có):

**III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP**

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

**III. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ**

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:

- Mức hỗ trợ:

- Thời gian hỗ trợ:

2. Ý kiến khác:

**IV. KẾT LUẬN**

Trên đây là ý kiến thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức, các nhân……… thực hiện Dự án ……………, kính trình Ủy ban nhân dân …. xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cơ quan tham gia thẩm tra; - Các cơ quan liên quan khác; - Lưu: .......... | **GIÁM ĐỐC**  **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu 05**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN...  -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………. | *………., ngày … tháng … năm…* |

**VĂN BẢN THẨM TRA VÀ CAM KẾT VỐN HỖ TRỢ**

**(Đối với ngân sách địa phương)**

Căn cứ Nghị định số …./2017/NĐ-CP Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng và khai thác dược liệu;

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số ... ngày ... tháng ….. năm …… của tổ chức, cá nhân (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị, hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án);

Căn cứ báo cáo thẩm tra số …/BCTT-SKHĐT ngày…. tháng … năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra, hỗ trợ đầu tư đối với tổ chức, cá nhân …. đầu tư vào Dự án….(Tên dự án),

Ủy ban nhân dân cam kết hỗ trợ tổ chức, cá nhân …..., Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (và tương đương) cấp ngày … tháng … năm … thực hiện Dự án (tên dự án):

1. Mức hỗ trợ

2. Thời gian hỗ trợ:

3. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các nội dung dự án đã đăng ký

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Sở ngành để thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp: Sở KH&ĐT, Sở TC, Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện; - Doanh nghiệp; - Lưu: .......... |  | **CHỦ TỊCH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu 06**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………….. | *………….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Nghị định số ../2017/NĐ-CP ngày/tháng/năm Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng và khai thác dược liệu

Theo đề nghị của Sở……….; về việc thẩm tra nguồn vốn hỗ trợ cho dự án.

Ủy ban nhân dân …………đồng ý cho tổ chức, các nhân …. thực hiện Dự án (tên dự án) và đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ vốn với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:

2.Tên tổ chức, cá nhân thực hiện:

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:   (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể).

6. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

7. Các thông tin khác (nếu có):

8. Danh mục hồ sơ gửi kèm theo

- Giấy đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân

- Báo cáo dự án đầu tư

- Báo cáo thẩm tra hỗ trợ

- Tài liệu liên quan khác (nếu có)

Ủy ban nhân dân ….. báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT (để có ý kiến); - Các cơ quan liên quan khác; - Lưu: ...... | **CHỦ TỊCH**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu 07**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *………….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

Kính gửi: ……………………..

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số ……. Ngày/tháng/năm của Ủy ban nhân dân….để nghị hỗ trợ Dự án….., do tổ chức, cá nhân ….. thực hiện. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến của bộ, ngành có liên quan, căn cứ khả năng cân đối vốn từ ngân sách trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

**I. Thông tin dự án:**

1. Tên dự án:

2. Tên tổ chức, cá nhân thực hiện:

3. Địa điểm thực hiện dự án:

4. Tổng mức đầu tư dự án:

**II. Nội dung hỗ trợ:**

1. Mức vốn:

2. Thời gian:

3. Nguồn vốn:

4. Ý kiến khác:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh… biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT (để có ý kiến);  - Doanh nghiệp nhận hỗ trợ; - Các cơ quan liên quan khác; - Lưu: ...... | **BỘ TRƯỞNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu 08**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh………….**  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *………….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU**

(Tên tổ chức, cá nhân ….)

1. Dự án (hạng mục dự án):…

2. Địa điểm thực hiện:

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Phía Hội đồng nghiệm thu (ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện)

b) Phía tổ chức, cá nhân:

 - Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục dự án:

c) Nhà thầu thi công (trường thuê nhà thầu thi công)

- Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :

  Bắt đầu :             …....... ngày…........ tháng…....... năm…......

Kết thúc :           ….......  ngày…........ tháng…....... năm…......

Tại: …………………………………………………………..

5. Đánh giá dự án, hạng mục dự án:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Văn bản cam kết hỗ trợ vốn..

- Bản thiết kế kỹ thuật, thi công, tổng dự toán của nội dung cần nghiệm thu.

- Biên bản nghiêm thu nội bộ

b) Nghiệm thu khối lượng (đối chiếu định mức hỗ trợ);

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên hạng mục | ĐVT | Tổ chức, cá nhân  đề xuất | Nghiệm thu thực tế | Mức vốn hỗ trợ (tr.đ) |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

c) Nghiệm thu khối lượng thực tế: quy mô…… chất lượng….. với số tiền được hỗ trợ…..

d) Các kiến nghị thêm của các thành viên (nếu có)

6.  Kết luận của người chủ trì nghiệm thu:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành dự án, hạng mục dự án đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này; Biên Bản này được lập thành … ( … bản) có giá trị pháp lý như nhau, tổ chức, cá nhân giữ 2 bản, kho bạc nhà nước 01 bản, mỗi thành viên giữ 01 bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **KÝ TÊN CỦA CÁC THÀNH VIÊN** | **CHỦ TRÌ**  *(Chủ trì, ghi rõ họ tên và đóng dấu của Sở NN&PTNT)*  **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu 09**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  V/v Thanh toán kinh phí …….… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Kính gửi: Kho bạc Nhà ………..

Căn cứ Nghị định số…… /2017/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Tổ chức, cá nhân: (tên tổ chức, cá nhân)……………………………………………….

Trụ sở chính: …………………………………………………………………………...

Điện thoại: …..……………………………. Fax: ……………………………………...

Tài khoản số ………………………………. tại ……………………………………….

- Lý do thanh toán: Theo……. (kèm theo)

- Nội dung, hỗ trợ:

+ Hạng mục hỗ trợ:

+ …..

Số tiền đề nghị tạm ứng (thanh toán):…………..(Viết bằng chữ): ……………………

- Hồ sơ kèm theo gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *……..* | **Chức danh người đại diện tổ chức, cá nhân**  *(Ký tên, đóng dấu)* |